

SƯU TẬP PHÁP LAM TẠI BẢO TÀNG CỔ VẬT CUNG ĐÌNH HUẾ: NHỮNG MÓN CÓ HIỆU ĐỀ VUA NGUYỄN*

Huỳnh Thị Anh Vân**

Vài nét chung về Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế và sưu tập pháp lam

Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế (sau đây gọi tắt là Bảo tàng) được vua Khải Định (1916-1925) thành lập năm 1923, nhưng sưu tập đầu tiên được Hội Đô thành Hiếu cổ tập hợp từ năm 1913 khi mới thành lập Hội. Pháp lam là một trong những sưu tập đầu tiên của Bảo tàng, nhiều món đồ trong số đó được chính các Thái hậu tặng cho Bảo tàng (Ủy ban hành chính Bảo tàng Khải Định, 1930), một số khác được đưa về từ các cung điện và lăng tẩm triều Nguyễn ở Huế.

Đã có nhiều bài nghiên cứu đề cập đến sưu tập này với các tên gọi “Pháp lam/Pháp lang”, tiếng Pháp là “émailerie” hoặc “émaux”, tiếng Anh là “enamelware”.

Nguồn gốc và đặc điểm của các loại pháp lam được nêu trong các bài viết của Trần Lệ Hoa (2005), Lý Tân Thới (2005), Musée de l’Union Centrale des Arts Décoratifs (2005), Trần Đức Anh Sơn (2005, 2015, 2016), v.v... Chung quy, theo các nhà nghiên cứu, “Pháp lam” / “Pháp lang” ban đầu xuất xứ ở Limoges (Pháp) và Battersea (Anh) vào thế kỷ XV, sau đó được các giáo sĩ dòng Tên truyền vào Trung Quốc qua cửa ngõ Quảng Đông vào cuối thế kỷ XVII. Có 4 loại pháp lam: Kháp ti pháp lang (掐 丝 珐 琅: Pháp lang trang trí theo kiểu ngăn chia ô hộc), Họa pháp lang (画 珐 琅: Pháp lang được trang trí bằng cách vẽ trên nền men), Tạm thai pháp lang (鑲 胎 珐 琅: Pháp lang có cốt được chạm trổ) và Thấu minh pháp lang (透 明 珐 琅: Pháp lang có phủ lớp men trong bên ngoài). Tên gọi của loại sản phẩm này trong tiếng Việt cũng được bàn đến trong bài viết của Phạm Hy Tùng Bách (2005) và Nguyễn Đình Đầu (2005).

Dựa trên mối quan hệ khăng khít giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc trong lịch sử, nhiều tác giả thống nhất cho rằng kỹ thuật làm pháp lam ở Huế là được du nhập từ Trung Quốc, như L. Gaide và H. Peyssonneaux (1925), Phạm Đăng Trí (2016), Trần Đình Sơn (2005), v.v... Philippe Trương còn cho rằng việc

(*) Bản quyền về nội dung và hình ảnh của bài viết đã được bảo hộ. Mọi hình thức sao chép hoặc sử dụng hình ảnh trong bài viết phải được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển và Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

(**) Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

chế tác Pháp lam Huế có cả ảnh hưởng của hoa văn phương Tây: “*Bên cạnh việc du nhập kỹ thuật chế tác pháp lam từ Trung Quốc, thành lập Tượng cục pháp lam, xưởng chế tác đồ thủy tinh và đồ trang sức hoàng gia trong Hoàng thành dưới sự giám sát của Võ khố (có lẽ theo phong tục của vua Khang Hy), thời kỳ này, đồ gốm sành sứ châu Âu cũng được quan tâm đến vì kỹ thuật chế tạo, kiểu dáng và hoa văn khác biệt. Một số hoa văn này còn được dùng làm mẫu vẽ trên đồ sành sứ và pháp lam của triều đình*” (Philippe Trương 2017: 27).

Các hiệu đề ghi trên các món đồ pháp lam trong sưu tập của Bảo tàng cho thấy chúng được chế tác dưới các triều vua Minh Mạng (2/1820 - 1/1840), Thiệu Trị (1/1841 - 10/1847) và Tự Đức (10/1847 - 7/1883).

Một số tác giả khác cho rằng Đồng Khánh (11/1885 - 1/1889) là triều vua cuối cùng có sản xuất pháp lam ở Huế (hoặc đặt hàng), như Trần Đức Anh Sơn (2005, 2015), Trần Đình Sơn (2005). Trần Đức Anh Sơn (2015) dựa trên bài viết của L. Gaide và H. Peyssonneaux (1925) để khẳng định có một nhóm “đồ pháp lam ký kiểu” thời Đồng Khánh. Trần Đình Sơn (2005) cho rằng vua Đồng Khánh đã tái lập Tượng cục Pháp lam nhưng không ghi rõ thời điểm và không ghi nguồn tư liệu về sự kiện này. Trên thực tế, cho đến nay chúng tôi vẫn chưa tìm thấy hiện vật pháp lam nào mang hiệu đề Đồng Khánh.

Theo Phạm Đăng Trí (2016), “*các nghệ sĩ làm pháp lam ở Huế đã sớm biết gia giảm liều lượng đậm nhạt, nóng lạnh của màu sắc đến độ tinh vi, đã sáng tạo ra những phương thức dùng mảng, dùng màu... và phát hiện ra những hòa sắc tương phản rất là chính xác. Mãi sau đó gần trọn một thế kỷ, pháp lam Huế mới “gặp” được những “bạn màu tri kỷ” trong đĩa khoa học của Rút⁽¹⁾*”. Điều này thực có ý nghĩa khi các nghệ nhân làm Pháp lam Huế đã biết cách tạo màu tương phản hết sức sáng tạo để đem lại vẻ đẹp hài hòa cho Pháp lam Huế từ đầu thế kỷ XIX, mà sau này, đến cuối thế kỷ XIX giới hội họa phương Tây mới có cơ sở để sáng tạo những tác phẩm có giá trị với những “hòa sắc tương phản”. Dưới con mắt của một họa sĩ chuyên nghiệp, ông đã cố gắng tìm đáp án cho câu hỏi “*Phải chăng, thành quả nghệ thuật mà pháp lam Huế đạt được chỉ là ngẫu nhiên? hay do ảnh hưởng từ ngoài đến? hay do trình độ nhận thức của người xưa?*”

Theo quan sát của Phạm Đăng Trí, “*Những sản phẩm làm tại xưởng Huế có cốt bằng đồng, các hình vẽ trên mặt ngoài thường được thể hiện bằng loại men màu có chất trong, trên nền đen trắng dày khoảng một milimét. Mặt nào không có hình vẽ thì được tráng men đều màu. Bối cốt đồng và lớp men tráng hơi mỏng,*

(1) Ogden Rood, nhà vật lý nổi tiếng người Mỹ với nghiên cứu “Khoa học hiện đại về màu sắc với những ứng dụng đối với Nghệ thuật và Công nghiệp” năm 1879. Nghiên cứu này bấy giờ được xem là công trình nghiên cứu về màu sắc có ảnh hưởng nhất của thế kỷ XIX.

nên, trên tay người ước lượng hiện vật có phần nhẹ, so với sản phẩm của lò Quảng Đông. Ngoài ra, còn có thể nhận được pháp lam Huế qua nét bút, qua các đường viền bằng đồng dễ bị rỉ. Nhìn kỹ hình vẽ trên pháp lam Huế, có những chỗ, do tô màu không thật kín mà phơi nền trắng ra. Nhìn nghiêng, ta thấy toàn bộ lớp men bọc ngoài gọn sóng, do cốt đồng hơi mỏng, thiếu tinh luyện hay do độ nung thiếu chính xác?”. Từ đó, ông cho rằng “Đa số những pháp lam Huế đều ra đời trong nước trừ một số do lò Quảng Đông sản xuất theo đơn đặt hàng và mẫu vẽ của Huế. Chúng ta có thể nhận ra xuất xứ, qua những khác biệt về trọng lượng cũng như về cách thực hiện” (Phạm Đăng Trí 2016).

Trong Luận văn Thạc sĩ về “Pháp lam thời Nguyễn ở Quần thể Di tích Cố đô Huế” (Hoàng Thị Hương 2005a) và bài viết “Khái quát về pháp lam” (Hoàng Thị Hương 2005b), Hoàng Thị Hương đã dựa trên nghiên cứu của Trần Lệ Hoa để cung cấp những thông tin vắn tắt về lịch sử của pháp lam, kỹ thuật chế tác, và các loại hình pháp lam. Tác giả cũng xác định Pháp lam Huế thuộc loại họa pháp lam, đồng thời so sánh giữa một số sản phẩm Cảnh Thái lam Trung Quốc với một số sản phẩm của Pháp lam Tượng cục ở Huế. Tuy nhiên, bài viết này chỉ đưa ra một so sánh sơ lược với một vài thông tin mô tả để phân biệt giữa các nhóm sản phẩm này. Trong một bài viết khác về “Trang trí pháp lam ở Đại Nội Huế” (Hoàng Thị Hương 2005c), tác giả đã cho rằng một số chi tiết pháp lam trang trí trên kiến trúc ở Đại Nội Huế đã được nhập khẩu từ Trung Quốc, nhưng không đưa ra chứng cứ cho luận điểm này.

Ngô Văn Minh, Trần Nam Anh (2005) cũng có bài viết mô tả một số đồ tế tự trong sưu tập pháp lam của Bảo tàng, bao gồm các chân đèn, quả bông, lư hương, v.v. với những thông tin tóm lược về kích thước, hiệu đề và hoa văn trang trí. Nhóm tác giả này cũng nhắc đến đề tài trang trí hình voi và hổ trên hiện vật pháp lam thời Minh Mạng như một “đề tài lạ”. Philippe Trương (2017: 89) đã đưa ra luận giải thú vị và chi tiết về đề tài trang trí này trong bài viết của ông về sưu tập đồ gốm sứ châu Âu tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Về kỹ thuật sản xuất pháp lam, bài viết của Trần Đình Sơn (2005) đã cho biết thông tin về những thành phần hóa học trong men pháp lam nhưng không cung cấp nguồn tài liệu và không chỉ rõ việc phân tích thành phần hóa học đã được thực hiện trên loại pháp lam nào, trên pháp lam ở kiến trúc cung đình hay trên các vật dụng ở Hoàng cung Huế, trên pháp lam Trung Quốc hay pháp lam Việt Nam.

Trần Đình Hiệp (2005) cho biết kết quả phân tích nhiệt độ trên mẫu pháp lam, nhưng không cho biết thông tin về loại mẫu vật pháp lam được lấy từ hiện vật hay từ pháp lam trang trí kiến trúc. Kết quả phân tích cho biết nhiệt độ tan chảy của pháp lam từ những mẫu vật này là “ở 1040°C - 1060°C, thấp hơn độ nung chảy

của đồng đỏ nhưng cao hơn đồng thường (950°C)” (2005: 118). Tác giả cũng cho rằng một số vật liệu làm pháp lam không có sẵn ở Việt Nam, như các thanh đồng đỏ hoặc men kim loại - những nguyên vật liệu trước đây phải nhập khẩu, và thậm chí cả bây giờ cũng vậy.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ không bàn về vấn đề tên gọi, phân loại pháp lam hay tranh luận về sự phân biệt giữa cách dùng chữ “niên tạo” với “niên chế” trong hiệu đề của một số đồ pháp lam ở Huế, mà sẽ dựa trên những hiệu đề vua Nguyễn ghi trên hiện vật hoặc những đặc điểm nổi bật trên một số hiện vật tuy không ghi hiệu đề nhưng có nhiều điểm tương đồng trong sưu tập pháp lam của Bảo tàng để đánh giá và rút ra những đặc điểm chung nhằm cung cấp thêm cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu đồ pháp lam thời nhà Nguyễn ở Huế.

1. Sự ra đời của pháp lam dưới triều Nguyễn (1802-1945)

Nhận định về sự xuất hiện của pháp lam ở Huế, TS. Trần Đức Anh Sơn cho rằng đồ pháp lam đã có mặt ở Huế trước khi vua Gia Long lập nên triều Nguyễn (Trần Đức Anh Sơn 2015). Chi tiết hơn, Philippe Trương khẳng định hoạt động chế tác pháp lam của triều đình Nguyễn đã có trước khi Tượng cục Pháp lam được chính thức thành lập (Philippe Trương 2017: 30), bằng chứng là từ năm 1826, vua Minh Mạng đã có một số sản phẩm pháp lam làm quà tặng cho hai sĩ quan Pháp có công với triều đình là Vannier và Chaigneau, gồm “*Sáu bình tráng men chế tạo trong Đại Nội gồm bốn bình cắm hoa bán bích, một bình để cắm hoa hình vuông và một bình để cắm hoa hình con ngỗng*” (Cadière 2001: 206-208). Theo đó, có thể việc chế tác pháp lam trong Đại Nội đã được tiến hành trước khi công việc này được biên chế chính thức thành một trong những xưởng sản xuất đồ dùng cho triều đình, gọi là Tượng cục Pháp lam.

Tuy nhiên, theo ghi chép của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, xưởng sản xuất pháp lam được thành lập năm 1827: “*Minh Mạng năm thứ 8 (1827)... đặt Tượng cục pháp lam. Bọn Vũ Văn Mai, thợ vẽ ở Nội Tạo, học được nghề làm đồ pháp lam. Bèn sai đặt cục ấy, hạn cho 15 người, thiếu thì mộ mà sung vào*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004). Tập II: 679). Xưởng chế tác pháp lam được cho là ở phía bắc bên trong Kinh Thành Huế, tại “*khu Canh Nông trong Thành nội (gần trường Đại học Nông nghiệp sau này)*” (Phạm Đăng Trí 2016).

Như vậy, theo ghi nhận của sử liệu, việc chế tác đồ pháp lam ở Huế chính thức được bắt đầu dưới triều vua Minh Mạng, và hẳn là các sản phẩm này phải được trân quý lắm nên vào năm 1829, vua Minh Mạng đã chọn pháp lam là một trong những chất liệu chế tác đồ thờ ở đàn Nam Giao - nơi tổ chức nghi lễ quan trọng nhất của quốc gia. Đàn tế này được lập năm 1806 tại phía nam Kinh Thành Huế để hoàng đế tế Trời. Nghi lễ đầu tiên được tổ chức vào năm 1807 và sau đó

được triều đình tổ chức hàng năm vào mùa xuân⁽²⁾. Thời đầu triều, vua Gia Long đã đặt những quy định về việc chế tác các vật dụng sản xuất phục vụ việc tế tự ở đàn Nam Giao, các tông miếu và đàn Xã Tắc, hoặc dùng bằng vàng, hoặc dùng bằng bạc, hoặc dùng bằng thau, thiếc, theo các thứ bậc khác nhau nhưng chưa có quy chế về việc dùng biên, đậu, phủ, quý, đăng, hình⁽³⁾ và cũng chưa dùng các lễ vật ngọc, lụa. Năm Minh Mạng thứ 9 (1828) và thứ 10 (1829), nhà vua bắt đầu kê cứu các điển lễ Trung Quốc để định ra việc cúng tế các loại ngọc, lụa và sử dụng các loại đồ đựng theo mẫu của Trung Quốc thời cổ đại. Các tự khí và vật dụng đều được chế tác riêng cho các lễ đại tự, nhằm phân biệt thể thứ hơn kém rõ ràng thể hiện qua chất liệu, màu sắc, hình dáng mang những ý nghĩa triết lý của Nho giáo, tương ứng với Ngũ phương và Ngũ hành theo *kinh Dịch* (Nội Các triều Nguyễn (2005). Tập IV: 343). Chính trong đợt chỉnh lý này, các vật đựng bằng pháp lam như đài, chén, nậm rượu... đã được chế tác để thay thế một số chén vàng và chén bạc đặt trên Viên Đàn và Phương Đàn trong lễ tế Giao (H.1).

Nguyên văn đoạn này được Quốc Sử Quán triều Nguyễn chép: “...尊爵從前圓壇金爵臺各十有二金尊四方壇銀爵臺各二十有四銀尊八其金爵十有二改用匏質禮記器用陶匏以象天地之性爵裏竝兩柱及流與岐出三足均依原式用金仍置金臺上銀爵二十有四改用琺瑯瓷器均依原式加銀裏仍置銀臺上”

Phiên âm

“... Tôn tước tông tiền, Viên Đàn kim tước đài các thập hữu nhị, kim tôn tứ; Phương Đàn ngân tước đài các nhị thập hữu tứ, ngân tôn bát. Kỳ, kim tước thập hữu nhị cải dụng bào chất (Lễ ký: Khí dụng đào bào dĩ tượng thiên địa chi tính), tước lý tịnh lưỡng trụ cập lưu dữ kỳ xuất tam túc quân y nguyên thức, dụng kim nãi trí kim đài thượng. Ngân tước nhị thập hữu tứ cải dụng pháp lam từ khí, quân y nguyên thức, gia ngân lý nhưng trí ngân đài thượng”.

Dịch nghĩa

“... Tôn tước⁽⁴⁾: từ trước ở Viên Đàn đặt 12 cái tước và đài bằng vàng, 4 cái tôn bằng vàng. Ở Phương Đàn đặt 24 cái tước và đài bằng bạc, 8 cái tôn bằng bạc.

(2) Đến năm 1890, vua Thành Thái cho đổi lại ba năm tế một lần (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012). *Đại Nam thực lục chính biên Đế Lục kỷ*. Nxb Văn hóa - Văn nghệ. TP. Hồ Chí Minh, mục 0160).

(3) Đăng: đồ đựng dáng tròn có chân cao và có nắp, làm bằng sứ hoặc pháp lam tráng men vàng, vẽ rồng mây, lòng trong màu trắng, miệng bịt vàng, để đựng canh; Hình: đồ đựng bằng đồng chạm rồng mây, mạ vàng hoặc bằng sứ, hình dáng như cái chum đựng nước. (Nội Các triều Nguyễn (2005). Tập IV: 225).

(4) Tôn (尊) là một loại bình đựng rượu lễ thời nhà Thương của Trung Quốc cổ đại, có hình tròn hoặc vuông, đôi khi có hình con thú, thường làm bằng đồng hoặc bằng gốm (nguồn: <https://en.wikipedia.org/wiki/Zun>); Tước (爵) là loại chén đựng rượu lễ được hâm nóng, có ba chân, thân hình trứng, hai vôi rót rượu: một vôi dài và cong, vôi kia ở phần vành miệng phía đối diện, với hai núm hình trụ gắn trên vành miệng (có thể buộc dây vào để nhắc lên). Loại chén này cũng có từ thời Trung Quốc cổ đại (nguồn: <https://en.wikipedia.org/wiki/Jue>).

Nay 12 *tước* bằng vàng đôi dùng bằng quả bầu (theo *Lễ ký*: Đồ dùng bằng sứ và quả bầu là để tượng trưng cho tính chất của trời đất), bên trong *tước* với hai trụ, vòi rót và ba chân đều làm theo cách thức cũ là dùng vàng và vắn đặt trên bộ đài vàng; 24 *tước* bạc đôi làm bằng pháp lam, đều theo thức cũ phủ bạc bên trong và đặt trên đài bằng bạc”⁽⁵⁾.

Pháp lam cũng được dùng để trang trí các công trình quan trọng của triều Nguyễn. Năm 1833, vua Minh Mạng cho dời dựng lại Điện Thái Hòa và làm lại cửa Ngọ Môn. Các cột đồng ở hai đầu cầu Trung Đạo (phía trước Điện Thái Hòa) được trang trí các tấm đồng tráng men trên đỉnh cột, ghi những câu mang ý nghĩa tốt đẹp, đỉnh cột gắn búp sen, các cụm mây và bánh xe nhật nguyệt, tất cả đều làm bằng pháp lam (H. 2). Việc này được Nội Các triều Nguyễn ghi lại như sau:

Nguyên văn

又其南在京城前面郭首正中者為敷文樓，樓二層。午門內為太液池甃石為岸，周以花甃欄杆，中砌石橋曰：中道橋。橋之南北坊門皆三門銅柱，繞雲蓮垛 珪 璫 擣星，頂安日月輪。南坊門額內曰：居仁由義，外曰正直蕩平。北坊門額內曰：中和位育，外曰高明悠久。

Phiên âm

“Hựu kì nam tại Kinh thành tiền diện quách thủ chánh trung giả vi Phu Văn lâu, lâu nhị tầng. Ngọ Môn nội vi Thái Dịch trì, trứ thạch vi ngạn, chu dĩ hoa chuyên lan can, trung thể thạch kiều viết Trung Đạo kiều. Kiều chi nam bắc phùng môn giai tam môn đồng trụ, nhiều vân liên đoá pháp lam nhũ tinh, đỉnh an nhật nguyệt luân. Nam phùng môn ngạch nội viết Cư nhân do nghĩa, ngoại viết Chánh trực đẳng bình. Bắc phùng môn ngạch nội viết Trung hòa vị dục, ngoại viết Cao minh du cửu”.

Dịch nghĩa

“Lại theo hướng nam ở trung tâm thành ngoài⁽⁶⁾ trước mặt Kinh thành là lầu Phu Văn, lầu có 2 tầng. Phía trong Ngọ Môn là ao Thái Dịch, bờ ao xây bằng đá vắn hoa, bao quanh ao [Thái Dịch] thì làm lan can bằng gạch hoa. Giữa ao có cầu xếp bằng đá gọi là cầu Trung Đạo. Cửa Phụng ở phía nam – bắc của cầu [Trung Đạo] đều là ba cửa bằng cột đồng, quần quanh là các lớp mây, sen, tráng men lam (Pháp lam) nhũ tinh (sao), phía đỉnh cột gắn bánh xe nhật nguyệt. Biển hoành cửa Nam phụng, phía trong là chữ “Cư nhân do nghĩa”; phía ngoài là chữ

⁽⁵⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục, Đế Nhị kỷ*. Q.58, tr. 5-6. Tham khảo bản dịch của NNC Trần Đại Vinh (Huế), Trần Văn Quyến (Hà Nội) và PGS. TS. Meggie Chui Ki Wan, Đại học Trung Văn Hồng Kông.

⁽⁶⁾ Dịch từ *Quách thủ* 郭首: *Quách* 郭 là cái thành ngoài, *thủ* 首 là đầu não, là trung tâm (theo bản dịch của TS. Võ Vinh Quang).

“*Chính trực dâng bình*”. *Biên hoành cửa Bắc phường thì phía trong là “Trung hòa vị dục”, phía ngoài là “Cao minh du cửu”*⁽⁷⁾.

Mặc dù đoạn trích trên đây không ghi rõ thời điểm, nhưng căn cứ vào đợt quy hoạch tổng thể khu vực Hoàng Thành Huế dưới thời vua Minh Mạng, đặc biệt là căn cứ vào vị trí của trục Ngọ Môn - cầu Trung Đạo - Điện Thái Hòa hiện nay, có thể việc sử dụng pháp lam vào trang trí các cột đồng nói trên, và cả các ô trang trí pháp lam trên mái Điện Thái Hòa, đã được thực hiện sau khi dời dựng Điện Thái Hòa từ vị trí cũ ở gần Đại Cung Môn dịch chuyển về phía nam đến vị trí hiện nay.

Tương tự, pháp lam cũng đã được sử dụng để trang trí cổng chính của Điện Phụng Tiên – tiền thân là Điện Hoàng Nhân - công trình được xây dựng dưới thời vua Gia Long (1814); đổi tên là Điện Phụng Tiên năm 1829 dưới thời vua Minh Mạng, và được dời dựng đến phía bắc bên ngoài tường miếu Thế Tổ (tức vị trí hiện nay) vào năm 1837. Đây là nơi thờ thánh vị của các vị đế, hậu của triều Nguyễn, cũng là nơi các thành viên của hoàng gia, bao gồm cả các bà trong hậu cung, có thể đến để thực hiện nghi lễ theo tình trong gia đình. Bởi vậy, mặc dù chỉ là nơi thờ vọng nhưng Điện Phụng Tiên lại là nơi cất giữ nhiều kỷ vật, bảo vật của hoàng gia, có quy mô xây dựng tương đương với miếu Thế Tổ theo kiểu thức “*trùng lương trùng thiềm*”, chính doanh 9 gian hai chái, tiền doanh 11 gian, hàng cột chính, cột lớn, cột vừa và ván vách đều sơn sắc tía; hàng cột trước, cột xà, hoành rui, bức xuyên hoa đều sơn son thếp vàng. Bên trong đặt sập rồng, mùa đông từ mùng 1 tháng 10 đến cuối tháng Giêng khi trời hơi lạnh thì bày chăn đệm để “*hợp nghĩa quạt nồng đắp lạnh*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004). Tập V: 109). Có lẽ bởi tính chất đặc biệt quan trọng của công trình nên so với các cổng miếu khác ở Hoàng cung như cổng chính của khu vực miếu Thái Tổ, Triệu Tổ hoặc cổng chính của khu vực miếu Thế Tổ, Hưng Tổ, chỉ có cổng chính của Điện Phụng Tiên được trang trí các ô pháp lam, và việc sử dụng pháp lam vào việc trang trí công trình đặc biệt quan trọng này đã được thực hiện trong đợt dời dựng diễn ra dưới thời vua Minh Mạng (1837). Các ô pháp lam ở đây cũng được bố trí xen kẽ theo trật tự “nhất thi, nhất họa”, bao gồm các bài thơ và các bức vẽ tĩnh vật theo cụm như: đĩa hoa quả đặt trên mâm bông, hộp sách, bàn cờ, bình hoa, ngọc Như ý, linh vật, hoa lá, v.v... (H.3)

Tiếp đó, năm 1839, trong đợt sửa sang tu bổ Thế Miếu, pháp lam được sử dụng để trang trí trên nóc của công trình (H.4). Việc này được Nội Các triều Nguyễn ghi lại như sau:

⁽⁷⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (1843-1851), nguyên bản chữ Hán Q.205. Mục *Quy chế ngoài triều*. Bản dịch của TS. Võ Vinh Quang. Trong bản dịch sang tiếng Việt của Viện Sử học, hai chữ “pháp lam” đã được dịch thành “men sứ” (xem Nội Các triều Nguyễn (2005). Tập VII: 19).

Nguyên văn

“二十年漆飭世廟。又諭此次奉行崇修世廟重加湘飭其脊之前面上脊並重簷等處著改用珪藍再正脊前脊材板間有朽弊併行敬謹修葺”。

Phiên âm

“*Nhị thập niên, tất sức Thế Miếu. Hựu dụ: thử thử phụng hành sung tu Thế Miếu, trọng gia tương sức kỳ tiền diện thượng tích tịnh trùng thiềm đằng, xử trừ cải dụng pháp lam, tái chính tích tiền tích tài bản gián hữu hủ tệ, tịnh hành kính cẩn tu tập*”.

Dịch nghĩa

“*Năm [Minh Mạng] thứ 20 [1839], sơn sửa chỉnh bị Thế Miếu. Lại có Thánh dụ rằng: lần này kính thực hiện việc sửa sang tu bổ Thế Miếu tròn vẹn, hãy chú trọng sửa chữa tô quét lại đầy đủ từ mặt trước của nóc, nhà chính và mái chông, xử lý rõ ràng việc đổi dùng pháp lam, lại vì ván gỗ ở nóc chính, nóc trước Thế Miếu đôi chỗ bị hư hỏng mục nát, theo đó mà kính cẩn việc tu bổ lại*”⁽⁸⁾.

Tượng cục chuyên sản xuất pháp lam trực thuộc sự quản lý của Ty Chế tạo - trước là Sở Đốc công của Vũ Khố (cơ quan tiền thân là Ngoại đồ gia⁽⁹⁾, được xây dựng từ năm 1802 thời vua Gia Long, đổi tên làm Vũ Khố năm 1820). Năm 1829 Sở Đốc công được vua Minh Mạng đổi làm Ty Chế tạo. Ty này dưới quyền điều hành của Bộ Công (một trong 6 bộ được vua Gia Long cho dựng nhà tại phường Liêm Năng và Thận Cần vào năm 1806⁽¹⁰⁾). Năm 1824, vua Minh Mạng cho lập Sở Nội tạo (thuộc Bộ Công), chuyên cung cấp những thứ cần dùng cho Nội cung. Năm 1832, Sở Nội tạo và Ty Chế tạo được hợp nhất lại làm một. Năm 1831, nhà ở của thợ các cục Vũ Khố, Mộc Thương thuộc phủ Nội vụ lên đến 182 gian, dựng ở bờ bắc của Ngự hà (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004). Tập III: 190).

Thời vua Minh Mạng, Tượng cục Pháp lam được nhà vua cho tuyển dụng 15 người, đến thời vua Tự Đức, trong 57 Tượng cục có nhóm “thợ tráng men” được lấy 8 người của Thừa Thiên, Quảng Trị làm việc theo định kỳ: cứ đến đầu năm được gọi về Kinh làm việc, đến tháng 7 thì tùy theo công việc nhiều hay ít mà

⁽⁸⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, nguyên bản chữ Hán. Q.208. Mục *Quy chế đàn miếu*. Bản dịch của TS. Võ Vinh Quang. Cũng trong mục này ở bản dịch tiếng Việt của Viện Sử học, chữ “pháp lam” đã được dịch sang thành “men sứ” (xem *Nội Các triều Nguyễn* (2005). Tập VII: 65).

⁽⁹⁾ Năm 1816. Ngoại đồ gia được dời dựng ở phía nam kho thóc trong Kinh (Nội Các triều Nguyễn (2005). Tập VII: 98).

⁽¹⁰⁾ Thời Minh Mạng, năm 1827, cho dời đến chỗ hiện tại thuộc các phường Nhân Hậu và Tích Thiện (cũng ở trong Kinh thành), nay thuộc phường Thuận Thành, TP. Huế.

được tha về với mức lương mỗi tháng 1 phương⁽¹¹⁾ gạo, 1 quan tiền (Nội Các triều Nguyễn 2005, tập VIII: 306-308).

Thời Đồng Khánh, sau biến cố Thất thủ Kinh đô 1885, đến năm 1887 còn có 50 Tượng cục với 1.200 thợ, trong đó 29 Cục “ít việc” (bao gồm cả 6 thợ làm men pháp lam) phải giảm bớt cho về nguyên quán, chỉ lưu lại 43 người cả thợ. Đến thời Thành Thái, năm 1889 lại tiếp tục chia ban, giãn bớt thợ, chỉ lưu lại một số ở Kinh để sai phái, còn lại cho về quê (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012). Tập IX: 129-130). Có lẽ trong tình hình ấy, việc sản xuất pháp lam vốn đã bị đình trệ, nay càng không có điều kiện để duy trì, kể cả về nhân lực lẫn nguồn nguyên vật liệu, dẫn đến chấm dứt hẳn hoạt động từ thời kỳ này.

2. Sơ tập đồ pháp lam tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế

2.1. Nhóm hiện vật có hiệu đề của Hoàng đế Minh Mạng (1820-1841) và những hiện vật có cùng đặc điểm

Sơ tập pháp lam của Bảo tàng có hơn 100 hiện vật thuộc nhiều loại hình: khay, đĩa, bình hoa, quả bông, hộp, nậm rượu, chậu, chân đèn, lư hương, v.v... Hầu hết đều là đồ dùng trong nghi lễ.

Có ba loại hiệu đề thời Minh Mạng trên hiện vật pháp lam của Bảo tàng, bao gồm: 明命年製 (Minh Mạng niên chế), 明命年造 (Minh Mạng niên tạo) và 明命 (Minh Mạng) với 6 kiểu ghi hiệu đề khác nhau được viết theo kiểu chữ *Khải* hoặc chữ *Triện*, bố cục gồm 4 chữ viết thành 2 hàng dọc hoặc 4 chữ theo một hàng ngang, hoặc chỉ có 2 chữ, có khung hoặc không có khung (H.5), và đều được ghi ở mặt ngoài của đáy. Kiểu ghi hiệu đề trong khung trên đồ pháp lam rất phổ biến trên đồ pháp lam Trung Quốc nhưng trên Pháp lam Huế kiểu ghi hiệu đề này chỉ có dưới thời vua Minh Mạng. Khác với kiểu khung kép (hai nét) ở hiệu đề trên đồ pháp lam Trung Quốc, khung của hiệu đề thời Minh Mạng chỉ có một nét. Các nét chữ được viết tay, kém sắc sảo hơn so với cách ghi hiệu đề trên đồ pháp lam Trung Quốc. Có thể so sánh kiểu hiệu đề trên sản phẩm pháp lam thời Minh Mạng với kiểu ghi hiệu đề trên một số sản phẩm pháp lam có hiệu đề của Trung Quốc để thấy sự khác biệt này (H.6 a,b,c).

Sản phẩm pháp lam thời Minh Mạng rất phong phú về loại hình, bao gồm cả những đồ dùng trong nghi lễ và đời thường như: lư hương, chân đèn, bình hoa, khay, đĩa, hộp đựng cau trầu, v.v. Trong số đó có những thể nghiệm về hình dạng

⁽¹¹⁾ Theo tiêu chuẩn đo lường thời Minh Mạng (khoảng sau 1828) thì dựa trên cách tính là 1 lóat, 10 lóat là 1 sao, 10 sao là 1 thước, 10 thước là 1 hộc, 10 hộc là 1 thăng, 13 thăng là 1 phương, 10 phương là 1 trung phương, 26 thăng là 1 hộc, uyển lớn thì 30 uyển là 1 phương, uyển vừa 30 uyển là 1 trung phương, 1 bát rưỡi là 1 thăng (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục*. Tập II. Sách đã dẫn, tr. 734). Theo cách tính này thì 1 phương gạo = 19,5 bát gạo (1 phương = 13 thăng, 1 thăng = 1,5 bát).

theo kiểu đồ cổ Trung Quốc mà hai đỉnh trầm hình chữ nhật là những ví dụ. Hai chiếc đỉnh này có cùng kiểu dáng với phần thân có hình chữ nhật, đoạn từ cổ đến miệng và đoạn từ đáy đến chân để được tạo hình giạt cấp, thắt lại phía thân, loe ra phía trên miệng và dưới chân để theo kiểu đuôi cá, trang trí thành 3 dải hoa văn, chủ yếu là đường gấp khúc. Hai mặt chính của phần thân trang trí ô hình chữ nhật màu vàng vẽ một bông mẫu đơn ở giữa, xung quanh là dây lá, phần nền còn lại xung quanh ô có men màu xanh cobalt đậm đặc trưng của Pháp lam Huế. Hai quai được tạo hình thẳng đứng, phần gốc được tạo hình gấp khúc, gắn vào hai mặt còn lại của thân, phần trên vươn lên cao hơn vành miệng một đoạn theo kiểu quai đỉnh đồng thường thấy. Hai mặt còn lại của phần thân chính là phần gắn với quai, nên nhìn tổng thể, đỉnh chỉ có hai mặt chính được trang trí. Mặt dưới của phần chân để phủ men màu xanh nhạt. Các nét trang trí góc, kiểu tạo hình quai và thân, cùng với các dải hoa văn viền ở phần cổ và chân để đều theo kiểu gấp khúc. Màu men tươi sáng với hai màu chủ đạo là màu vàng và màu xanh tím, phối hợp với các màu xanh lục nhạt, xanh da trời, màu đỏ đậm, màu hồng phớt.... Kiểu phối màu như ở hai đỉnh này sẽ còn thấy lặp lại ở một số sản phẩm pháp lam khác cùng thời, có lẽ là do cùng một nhóm thợ chế tác, nhưng kiểu dáng khác lạ này chỉ thấy ở hai chiếc đỉnh này mà thôi. Trên phần hoa văn kỷ hà ở chân đế còn được nhũ vàng. Tuy nhiên, đường nét ở các dải hoa văn còn vụng về, màu bị nhòe. Phần vành miệng và đường ráp nối giữa các mảng khối ở phần thân, quai và chân đế đã bị bong men, lộ rõ cốt đồng bên trong, cho thấy kỹ thuật chế tác chưa đạt đến trình độ cao. Đáy ghi hiệu đề 明命年造 (Minh Mạng niên tạo) màu đen (H.7). Kiểu ghi hiệu đề chỉ trên một dòng này cũng có thể thấy trên bình thuốc lá bằng pháp lam mang hiệu đề Càn Long (1711-1799), nhưng kiểu chữ thì khác nhau (H.6c). Ngoài ra, ở mặt trong phần đế của một trong hai đỉnh còn có 4 chữ Hán viết tay bằng sơn đỏ: 節禮 (Tiết lễ) và 內香 (Nội hương), có thể đây là những ký hiệu để xác định vị trí đặt đỉnh này trong một không gian nghi lễ Cung đình Nguyễn và phục vụ việc quản lý, kê biên lập danh mục đồ tự khí (sách thủ tự khí) tại các miếu thờ hoặc lăng tẩm hoàng gia.

Lư/đỉnh xông trầm là loại tự khí quan trọng không thể thiếu trong nghi lễ tế tự triều Nguyễn. Trong không gian nghi lễ, lư xông trầm được đặt ở những vị trí trang trọng nhất. Thông thường, lư xông trầm được làm bằng đồng, có thể có kích thước lớn (để đặt riêng trên một bàn phía trước án thờ hoặc phía trước nơi vua ngự) hoặc kích thước nhỏ (để đặt chung trên cùng một bàn hoặc án thờ, cùng với các loại đồ lễ khác). Lư xông trầm làm bằng pháp lam ở Việt Nam chỉ mới xuất hiện lần đầu tiên dưới thời vua Minh Mạng với kích thước nhỏ, xinh xắn, màu sắc trang nhã. Trong sưu tập pháp lam của Bảo tàng có hai lư xông trầm cỡ nhỏ, có cùng kiểu dáng, trang trí hoa lá trên nền men màu xanh đậm, gồm 3 bộ phận: nắp, thân và đế; viền vành miệng là hồi văn mây Như ý hình dải yếm với một chấm nhỏ bên trong, có hai quai;

Thân có dáng bầu tròn, vẽ nhân vật, phong cảnh trong 2 ô hình khánh; nắp trang trí 3 hình đồng tiền trở thúng. Đế trang trí hoa lá, dơi và chữ Thọ (壽). Hiệu đề 明命年製 (Minh Mạng niên chế) được viết bằng men màu đỏ đậm thành 2 hàng dọc trong ô hình chữ nhật trên mặt ngoài của đáy sau khi nung ở nhiệt độ thấp (H.8).

Pháp lam có hiệu đề của vua Minh Mạng ở sưu tập của Bảo tàng đa dạng về phong cách và màu sắc, trong đó màu men xanh được sử dụng khá nhiều với các tông màu đậm nhạt khác nhau, có loại màu đậm và tương phản, cũng có loại màu nhạt theo kiểu tranh phong cảnh. Thậm chí, còn có hình thức vẽ màu trong ô theo kiểu pháp lam khảm nhưng đường nét còn thô, như trường hợp chiếc hộp hình tròn (hộp phấn?) có kiểu trang trí độc đáo với mặt ngoài của hộp vẽ hoa đào màu hồng trên nền men xanh thẫm có các đường kẻ mắt lưới hình lục giác không thẳng hàng, tạo ra các mảng phân chia dạng ô được xác định bằng đường kẻ men vàng nổi hẳn lên trên nền men xanh, hẳn là đã được vẽ sau khi nung lần thứ nhất ở nhiệt độ thấp. Trong các sản phẩm pháp lam triều Nguyễn để lại, đây là hiện vật duy nhất có hình thức trang trí theo dạng ô kiểu này. Bên trong hộp tráng men màu xanh da trời nhạt, phần thành miệng không tráng men, có gờ bao quanh để khớp với nắp hộp khi đậy lại nhưng hiện đã mất nắp. Ở phần vành miệng, đoạn được để trơn không tráng men (để đậy nắp) để lộ rõ phần cốt kim loại của hộp màu xám chì, cho thấy tỷ lệ đồng trong hợp kim của cốt không cao. Phần mặt dưới của đáy có 4 chữ 明命年造 (Minh Mạng niên tạo) viết bằng men màu đỏ thành 2 hàng dọc (H.9a).

Điều thú vị là trong sưu tập pháp lam của một nhà sưu tập tư nhân, chúng tôi tìm thấy một nhóm các sản phẩm được trang trí cùng motif hoa đào trên nền men xanh thẫm có các đường kẻ mắt lưới hình lục giác (H.9b, 9c). Thoạt nhìn, chúng rất giống với kiểu trang trí trên chiếc hộp của sưu tập pháp lam ở Bảo tàng nhưng nhìn kỹ thì có thể thấy chiếc hộp của Bảo tàng chỉ vẽ hoa chứ không điểm xuyết các cụm cành lá, phần nhụy hoa được vẽ khá chân thực, thể hiện một đốm tròn màu đỏ chính giữa, xoay quanh có các tép nhụy được vẽ thành các đường kẻ màu đỏ trên nền màu vàng đậm, đầu nhụy vươn ra nhìn rõ các đốm phấn, cánh tô đậm màu hồng ở đầu cánh hoa cũng khác, đặc biệt còn có một dải hồi văn bằng men màu vàng, hình dấu móc đối nhau chạy viền quanh vành miệng và đường viền chân đế cũng được phủ men màu vàng. Ở nhóm hiện vật pháp lam của sưu tập tư nhân, các bông hoa được vẽ phần nhụy khá mờ, xung quanh không tô màu vàng thành một vòng tròn liền khối bao quanh phần tâm nhụy màu đỏ mà chỉ có màu vàng nhẹ trên phần cuối của mỗi cánh hoa, có các cụm cành lá được điểm xuyết giữa các bông hoa được bố trí khá đều nhau; các hộp và đĩa không có hồi văn viền vành miệng và viền chân đế. Những sản phẩm này hoàn toàn không có hiệu đề nhưng có thể suy đoán đây là các sản phẩm của pháp lam Quảng Đông. Chiếc hộp của Bảo tàng được chế tác với kiểu thức trang trí phỏng theo các sản phẩm của pháp lam Quảng

Đồng, tuy có sự tương đồng nhất định nhưng không hoàn toàn giống về nghệ thuật tạo hình, nên vẫn có sự khác biệt cơ bản.

Trong các hình thức mang tính thể nghiệm cao thời Minh Mạng có kiểu cải biến motif phương Tây thành hình thức được “Việt hóa” với mẫu trang trí trên chân đèn với hình voi - hổ nâng một bức trướng (gia huy kiểu châu Âu?) hình chiếc khiên vẽ 2 con cá và một chiếc dao găm. Cụm trang trí hình voi-hổ và chiếc khiên được vẽ trên một dải ruy-băng màu hồng ở phía dưới, hồi văn ở dưới vành miệng và quanh đế có hình ngọn lá màu xanh lá cây; trong lòng và gờ đế trắng men màu tím nhạt (H.10).

Theo nhà nghiên cứu Philippe Trương, chiếc chân đèn này có hoa văn tương đồng với kiểu trang trí trên liễn sứ men màu có niên đại trước 1837 hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế (H.11), thuộc bộ đồ sứ do Công ty Đông Ấn Anh Quốc đặt làm tại Trung Quốc cho Hoàng tử Ấn Độ Bahadur⁽¹²⁾. Theo sổ kiểm kê do Bảo tàng Khải Định lập vào năm 1929, công bố trong *B.A.V.H.*, số tháng 4-5, năm 1929, ảnh XVIII, thì món đồ này được vua Khải Định lấy từ Đại Nội để tặng cho Bảo tàng Khải Định (nay là Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế)⁽¹³⁾.

Hoa văn chủ đạo trên chân đèn pháp lam thời Minh Mạng với hình một con voi và một con hổ đang đỡ một chiếc gia huy hình chiếc khiên minh chứng cho sự ảnh hưởng hình thức trang trí phương Tây (kiểu gia huy) nhưng cũng đồng thời thể hiện sự sáng tạo trong việc mượn hình thức trang trí phương Tây trong cách thể hiện sở thích cá nhân của vua Minh Mạng và phản ánh cách nhìn nhận đương thời trong việc lựa chọn vật biểu trưng cho quyền lực, đặc biệt trong ý niệm mang đậm tính địa phương, không mang ảnh hưởng những mẫu hình của mỹ thuật và triết lý Trung Quốc. Điều này thấy rõ ở việc nhà vua đã cho thay đổi motif “báo và voi” trên nguyên mẫu bằng motif “voi và hổ” - hình ảnh liên quan đến hoạt động huấn luyện mang tính biểu tượng cho sức mạnh của chính nghĩa, cũng là sức mạnh của hoàng đế, với kết quả là voi luôn luôn chiến thắng vì voi tượng trưng cho sức mạnh vô địch của chính nghĩa. Dưới thời Nguyễn, hoạt động này thường được tổ chức tại một di tích vẫn còn tồn tại cho đến nay - di tích Hổ Quyền. Motif hồi văn lá cây ô rô thường thấy trên các món đồ châu Âu cũng được thay bằng hồi văn cánh sen quen thuộc của Việt Nam. Philippe Trương cho rằng trong trường hợp này, “*Với*

⁽¹²⁾ Muhammad Bahadur II Shah (1775 - 1862) là hoàng đế cuối cùng của triều đại Mughal (1526 - 1862) ở Ấn Độ. Trong thời kỳ ông cầm quyền, quyền lực thực sự thuộc về Đông Ấn Anh Quốc, ông chỉ cai trị Fort Rouge tại Delhi và nhận lương bổng của Đông Ấn Anh Quốc. Về sau, ông tham gia phong trào khởi nghĩa Cipayes (1857) chống thực dân Anh nên bị bắt và bị đi đày tại Rangoon (Miến Điện).

⁽¹³⁾ Theo tài liệu do Paul Boudet công bố trên *B.A.V.H.*, số tháng 7-8 năm 1942, ảnh LIX cho thấy đĩa Bahadur được trưng bày tại Tả Vu (bên trong Đại Nội Huế). Tuy nhiên, theo *B.A.V.H.* năm 1929, danh sách ghi chép năm 1929 về các hiện vật có nguồn gốc từ Hoàng cung tặng cho Bảo tàng cũng đã có chiếc đĩa tương tự. Điều đó cho thấy có thể loại đĩa này không chỉ có 1 chiếc, mà có thể có một đôi hoặc nhiều hơn.

sự mô phỏng, cải biên và cách thức thể hiện mẫu hoa văn trên đồ sứ Trung Quốc xuất khẩu thị trường châu Âu vào pháp lam Huế... đã phần nào cho thấy quan điểm, cách nhìn nhận về văn hóa châu Âu cũng như ý thức tự tôn văn hóa dân tộc của vua Minh Mạng. Theo đó, các kiểu hoa văn thuần phương Tây không thể thích nghi hoàn toàn với tinh thần mỹ thuật Việt Nam, nên trong chừng mực nào đó, nó đã được biến đổi cho phù hợp với thẩm mỹ truyền thống và trở thành một kiểu thức trang trí mới của người Việt.” (Philippe Trương 2017: 33).

Với những bằng chứng này, có thể thấy dưới thời vua Minh Mạng, việc chế tác pháp lam đã được các nghệ nhân Việt Nam thực hiện khá thuần thục, thậm chí còn biến đổi chi tiết hoa văn cho phù hợp với thẩm mỹ của người Việt Nam và thể hiện triết lý sâu sắc của vua Minh Mạng, cho dù đây mới chỉ ở buổi đầu học hỏi, tiếp thu kỹ thuật làm pháp lam. So sánh với những sản phẩm khác mang hiệu đề của các Hoàng đế kế vị Minh Mạng, cách vẽ trên các chân đèn này chỉ có dưới triều vua Minh Mạng, thể hiện một phong cách riêng của thời kỳ này. Có thể đây là những sản phẩm của đích thân Vũ Văn Mai, người sáng lập nên Tượng cục Pháp lam, và vì thế lối vẽ này không còn được tiếp tục sau khi ông qua đời.

Sự thể nghiệm trong chế tác pháp lam thời Minh Mạng còn phản ánh qua kích thước hoặc kiểu dáng sản phẩm, như bộ chén trà kèm theo đĩa lót trong sưu tập, hiệu đề 明命年製 (Minh Mạng niên chế) hoặc bình hoa tứ diện hiệu đề 明命年造 (Minh Mạng niên tạo).

Kiểu dùng chén uống trà kèm theo nắp và đĩa lót không phải là cách uống trà truyền thống ở Việt Nam, nhưng rất phổ biến ở Trung Quốc. Các loại chén uống trà bằng pháp lam của Trung Quốc được trang trí cầu kỳ hơn, kỹ thuật chế tác tinh xảo hơn với nước men láng bóng. Việc sản xuất đồ pháp lam ở Việt Nam mới chỉ bắt đầu dưới thời vua Minh Mạng, nên có thể các bộ chén trà có nắp và đĩa lót cũng là những sản phẩm được làm thử nghiệm dựa trên sự tham khảo mẫu sản phẩm của pháp lam Trung Quốc, minh chứng là hai bộ chén trà (có nắp) kèm đĩa lót được trang trí chữ Thọ màu đỏ dạng đỉnh và hoa lá Tứ thời trên nền men xanh ngọc, mặt trong trắng men màu trắng, hiệu đề 明命年製 (Minh Mạng niên chế). Ở giữa đáy đĩa lót có hình hoa 5 cánh màu hồng (H.12).

Một hiện vật khác cũng rất độc đáo trong nhóm hiện vật pháp lam thời Minh Mạng là bình hoa hình củ tỏi có bốn cạnh, cổ cao, vẽ men pháp lam nhiều màu trên nền men trắng (H.13). Về kiểu dáng và kiểu thức trang trí, chiếc bình này có sự tương đồng với một chiếc bình pháp lam Quảng Đông (H.14). Điểm đáng lưu ý ở chiếc bình pháp lam thời Minh Mạng là chi tiết trang trí hồi văn cánh sen mang đặc trưng của mỹ thuật Việt ở phần chân đế với 3 dải hồi văn: hồi văn cánh sen màu hồng (phía trên), hồi văn chữ S xoắn tròn ốc trên nền men xanh da trời (ở giữa) và

hồi văn bông hoa 4 cánh nhỏ theo hình chữ thập được vẽ khá vụng về trên nền men vàng (ở dưới cùng). Bốn mặt của bình hoa trang trí hình nhân vật và phong cảnh, nhưng hình thức chi tiết mô tả cây cối, phong cảnh và nhân vật thì có phần khác biệt. Theo Philippe Trương, có thể chiếc bình này cũng nằm trong số các sản phẩm của ông Vũ Văn Mai, người đầu tiên đem kỹ thuật pháp lam Trung Quốc vào Việt Nam và cũng chính là người để lại dấu ấn qua cách viết hiệu đề Minh Mạng trên sản phẩm pháp lam thời kỳ này⁽¹⁴⁾.

Trong sưu tập pháp lam của Bảo tàng còn có hai bộ hộp trầu trang trí hoa lá trên nền màu vàng chanh ở mặt ngoài và 5 con dơi châu chữ Thọ theo đồ án “Ngũ phúc khánh Thọ” bằng men đỏ trên nền men xanh nhạt, hiệu đề 明命年造 (Minh Mạng niên tạo) (H.15) có cùng kiểu thức trang trí và màu men với chiếc khay hình vuông khuyết góc, sản phẩm được cho là pháp lam Quảng Đông thế kỷ XVIII⁽¹⁵⁾ nhưng không có hiệu đề, cũng thuộc sưu tập của Bảo tàng (H.16). Rất có khả năng chiếc khay này được mua từ Trung Quốc và là mẫu cho 2 hộp trầu do Tượng cục Pháp lam thời Minh Mạng chế tác.

Hiện vật duy nhất mang hiệu đề chỉ có hai chữ 明命 (Minh Mạng) trong sưu tập pháp lam của Bảo tàng là một chiếc đĩa tròn trang trí hoa lá trên nền men xanh cobalt đậm với nét vẽ khá phóng khoáng, vành đĩa có bản rộng, dáng hơi loe, đáy phẳng. Chính giữa lòng đĩa vẽ 5 con dơi vây quanh chữ Thọ màu đỏ trong hình tròn theo đồ án “Ngũ phúc khánh Thọ”. Toàn bộ bề mặt còn lại của đĩa vẽ hoa lá, vòng trong vẽ 4 cụm hoa cúc, mẫu đơn, quả đào, quả lựu; vòng ngoài là phần vành đĩa cũng vẽ hoa lá. Mặt ngoài của đĩa tráng men xanh nhạt, trang trí 3 cụm văn “mây hóa”, đáy ghi hiệu đề kiểu chữ Triện hai chữ 明命 (Minh Mạng) trong khung vẽ một nét (H.17).

Kiểu thức “mây hóa” trang trí thành 3 cụm ở mặt ngoài, màu men và phong cách trang trí trên đĩa khá tương đồng với một chiếc bát pháp lam sâu lòng, được giới thiệu trên trang *Christies.com* năm 2012 có đường kính 42,5cm⁽¹⁶⁾, nhưng về chi tiết hoa văn bề mặt và cách thể hiện kiểu thức “mây hóa” ở mặt ngoài chiếc bát thì hơi khác và có phần tinh tế hơn với đường nét gọn gàng (H.18). Có thể thấy chiếc đĩa này trong sưu tập của Bảo tàng là một ví dụ nữa của việc Tượng cục Pháp lam thời Minh Mạng đã làm sản phẩm phỏng theo mẫu của pháp lam Quảng Đông.

Kiểu thức “Ngũ phúc khánh Thọ” dưới dạng 5 con dơi vây quanh chữ Thọ màu đỏ ở giữa, hoặc kiểu trang trí hoa lá phủ khắp bề mặt như ở chiếc đĩa trên đây

⁽¹⁴⁾ Trao đổi cá nhân ngày 9/5/2020.

⁽¹⁵⁾ Theo tài liệu lưu trữ của Bảo tàng, khay này được vào sổ kiểm kê cũ với số thứ tự là 3874 được J.H. Peyssonnaud ghi trong *Báo cáo hoạt động của Bảo tàng năm 1935*, nguyên bản tiếng Pháp.

⁽¹⁶⁾ Nguồn: <https://www.christies.com/lotfinder/Lot/a-chinese-canton-enamel-cobalt-ground-basin-5530857-details.aspx>.

cũng có thể gặp lại trên hai chiếc đĩa từng được gắn ở bình phong lăng Kiên Thái Vương (cha vua Đồng Khánh) để trang trí. Về chi tiết, các đĩa này không có phần vành đĩa bản rộng mà có thành xuôi, đáy bằng, có cùng kiểu thức trang trí “Ngũ phúc khánh Thọ” trên nền men màu xanh tím, xung quanh cũng trang trí hoa lá phủ toàn bộ bề mặt nhưng chỉ một loại là hoa mẫu đơn, bố trí thành các cụm đối xứng qua tâm đĩa. Cả hai đĩa đều có cùng một kiểu trang trí đường hồi văn mạ vàng hình lá ba thùy nhọn chạy quanh vành miệng và hai chữ Hán (宮物: cung vật?) viết trong khung ở mặt ngoài của đáy nhưng đã mờ mất một số nét (H.19).

Hai đĩa này, cùng với hai đĩa khác với kiểu thức trang trí một bông hoa ở chính giữa thay vì trang trí chữ Thọ (H.20) và không có chữ trên đáy, đều được một số tác giả dùng để chứng thực nhận định của L. Gaide và Henry Peyssonneaux về việc triều Nguyễn ký kiểu pháp lam vào triều đình Đồng Khánh (Trần Đức Anh Sơn 2015). Nhưng nhận định này còn cần khảo chứng thêm bởi những lý do sau:

Thứ nhất, vốn dĩ lăng Kiên Thái Vương được xây dựng lần đầu tiên sau khi Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai qua đời vào năm 1876 với quy mô đơn giản, rồi được trùng tu vào năm 1888 dưới thời vua Đồng Khánh. Lên ngôi sau biến cố Thất thủ Kinh đô 1885, vua Đồng Khánh chỉ có 3 năm trị vì ngắn ngủi trong điều kiện kinh tế của triều đình đang lâm vào cảnh khó khăn, tình hình chính trị-xã hội còn vô cùng phức tạp ở buổi đầu thực dân Pháp thiết lập hệ thống chính quyền bảo hộ và can thiệp sâu sắc vào công việc của triều đình Việt Nam trên mọi phương diện: trung thu thuế má, bãi bỏ hoặc thay thế các chức quan, kiểm soát việc giao thương, trấn áp các cuộc nổi dậy... Đến năm 1887, triều đình Huế mới có cơ hội để thương lượng với Pháp về việc trao trả lại Kinh thành Huế đã bị quân Pháp chiếm đóng sau biến cố 1885 để tiễn đưa dân chúng về ở như cũ (Quốc Sử Quán triều Nguyễn 2010: 190). Triều đình vua Đồng Khánh cũng phải ngậm đắng nuốt cay bỏ ra 2 vạn 500 đồng bạc thời bấy giờ để mua lại hơn 600 khẩu súng đại bác của triều đình vốn bị quân Pháp thu giữ trong cuộc chiến. Trong khi đó, hoàn cảnh kinh tế của triều đình được đánh giá là “*sau sự biến, phủ khó trống rỗng*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn 2010: 190-191). Năm 1888, để xây dựng Điện Truy Tư⁽¹⁷⁾ cho cha mình, vua Đồng Khánh phải “*dùng đá Thanh (nguyên lấy từ đá cũ của điện Khâm Văn⁽¹⁸⁾)*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012). Tập IX: 20). Về phần lăng mộ, để xứng tầm đối với vị thân sinh ra hoàng đế đương triều, lăng của Kiên Thái Vương vốn đã được xây từ trước nay được đổi gọi là Cục “*Vạn niên*

⁽¹⁷⁾ Điện này chưa xây xong thì vua Đồng Khánh băng hà nên đã trở thành nơi thờ vua Đồng Khánh, đổi tên là Điện Ngưng Hy.

⁽¹⁸⁾ Nơi học tập của các hoàng tử trong vườn Cơ Hạ (Hoàng Thành Huế), cuối thế kỷ XIX bị hư hỏng nặng nên vua Đồng Khánh cho triệt giải, dùng vật liệu sử dụng vào việc xây dựng các công trình khác.

Thiên thành”⁽¹⁹⁾, mở rộng thêm phạm vi, quy mô, dùng gạch xây nhà bia, cột biểu trụ, thành gạch, tường thành, hào nước, “*các khoản đều phỏng theo các tôn lăng*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn 2010: 73). Các vật liệu của Điện Hiếu Tư⁽²⁰⁾ ở Kinh thành Huế sau khi triệt giải cũng được sử dụng để xây dựng lăng Kiên Thái Vương và Điện Truy Tư (sau là Điện Ngưng Hy) (A.Sallet 1929: 139). Trong hoàn cảnh đất nước còn rối ren, ngân quỹ cạn kiệt, “*các cung điện, công thự, nhà cửa ở Kinh thành phần lớn đã bị hư hại, đổ nát*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn 2010: 97), vua Đồng Khánh muốn đẩy nhanh quá trình xây dựng nên ra dụ “*một mặt chia phái quan quân, cốt mong thích hợp để được nhanh công việc, một mặt chi đồ vật ở kho, cốt cho rõ cả, hầu trừ tệ cũ... dưới đỡ phí tổn cho nước, mà rất yên lòng quân*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007). Tập IX: 419). Trong bối cảnh ấy, khó có khả năng vua Đồng Khánh ký kiếu (hoặc gửi mua) đồ pháp lam của Trung Quốc để phục vụ việc trang trí kiến trúc, lại càng khó có chuyện đặt mua đồ pháp lam chỉ để gắn ở bình phong của lăng mộ.

Mặt khác, thông tin mà hai tác giả là bác sĩ L. Gaide (Thanh tra Quân đội thuộc địa) và H. Peyssonnaud (Thư ký Cảnh sát) cung cấp trong bài viết về lăng Kiên Thái Vương (xuất bản năm 1925 - năm cuối của triều vua Khải Định) “*kiểu như đồ pháp lam trang trí ở lăng Kiên Thái Vương cũng như đồ đang lưu giữ ở Phủ Nội vụ, hiện vẫn còn được triều đình Huế đặt làm ở Quảng Đông, thông qua các thương gia người Hoa ở Huế*” (Gaide và Henry Peyssonnaud 1925: 35) chỉ là đầu mối để xác định nguồn gốc của một số chậu pháp lam Trung Quốc trang trí trong Cung điện Huế có thể “*vẫn còn được triều đình Huế đặt làm ở Quảng Đông*” vào thời điểm đó (1925) - tức là vua Khải Định đặt mua, chứ không phải là cơ sở để cho rằng vua Đồng Khánh đã ký kiếu đồ pháp lam của Trung Quốc hoặc khôi phục Tượng cục Pháp lam ở Huế dưới triều đại của ông. Những chậu pháp lam cực kỳ tinh xảo dùng để chưng “*cảnh vàng lá ngọc*” phục chế (cảnh làm bằng gỗ thếp vàng, lá làm bằng thủy tinh màu, để bù vào số cảnh vàng lá ngọc thật đã bị Pháp cướp) bài trí ở các Cung điện Huế được cho là do triều đình Đồng Khánh cho người sang Quảng Đông “*ký kiếu*” pháp lam để đáp ứng nhu cầu của triều đình phục chế (Trần Đức Anh Sơn 2015) có thể là những món đồ pháp lam được triều đình vua Khải Định đặt mua ở Quảng Đông thông qua các thương nhân người Hoa như Gaide và Peyssonnaud đã đề cập trong bài viết vào năm 1925.

(19) Còn gọi tắt là Cục Thiên thành.

(20) Công trình chính của cung Khánh Ninh – biệt cung của vua Minh Mạng xây dựng năm 1825 ở bờ bắc Ngự hà trong Kinh thành Huế, cũng là nơi quân thi hải nhà vua sau khi vua Minh Mạng băng hà, rồi trở thành nơi thờ vọng ngài. Trong biến cố Thất thủ Kinh đô 1885, Điện Hiếu Tư bị quân Pháp chiếm đóng nên sau đó trở nên hoang phế và bị triệt giải dưới thời vua Đồng Khánh.

Thứ hai, nếu vua Đồng Khánh là vị vua ký kiểu đồ pháp lam lần cuối cùng thì tại sao không có món đồ nào mang hiệu đề Đồng Khánh hoặc ít nhất mang một ký hiệu nào đó để ghi nhận sự kiện này?

Hơn nữa, sử liệu cũng cho biết vào năm 1887, triều đình phải giảm bớt số thợ làm ở các Tượng cục. Trong 29 Tượng cục thuộc nhóm “ít việc” có Tượng cục Pháp lam với số lượng là 6 thợ. Số thợ của các Tượng cục này được giảm bớt, cho về nguyên quán, chỉ lưu lại 43 người cả thợ. Đến thời Thành Thái, năm 1889 lại tiếp tục chia ban, giãn bớt thợ, chỉ lưu lại một số ở Kinh để sai phái, còn lại cho về quê (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012). Tập IX: 129-130). Sau đó không có tài liệu nào ghi chép về hoạt động của các thợ làm pháp lam của triều đình nữa. Vì thế, việc Tượng cục Pháp lam được phục hồi dưới thời vua Đồng Khánh là điều khó khả thi.

Trong sưu tập của Bảo tàng, phong cách trang trí và màu men trên những chiếc đĩa gắn ở bình phong lăng Kiên Thái Vương giống với 3 quả bông (khay tròn có chân đế) được trang trí cùng kiểu với một bông hoa ở chính giữa lòng đĩa, xung quanh là hoa văn đào và lựu (H.21); đặc biệt là có cùng kiểu hồi văn mạ vàng hình lá 3 thùy nhọn trên đường viền quanh vành miệng. Phần mặt trên và dưới của quả bông đều được phủ men màu xanh cobalt đậm. Ở một số vị trí, lớp men đã bị bong tróc, để lộ cốt đồng bên trong và đường nối giữa các phần của quả bông, chủ yếu là phần nối giữa chân đế và phần đĩa bông, hoặc đường nối giữa vành miệng và lòng đĩa – ở đường nối này còn thấy rõ các lỗ nhỏ li ti cách đều nhau, có lẽ để giữ cho lớp men bám chặt vào cốt đồng trong quá trình nung, giữ cho hai phần nối nhau không bị bong ra, trước khi phủ lên một lớp men vẽ 5 màu trực tiếp lên bề mặt rồi mới nung. Philippe Trương nhận xét: “Đồ pháp lam họa ở Huế có cốt bằng đồng đỏ và được tráng bằng một lớp men màu trắng hoặc màu trắng và xanh lam nhạt pha trộn không hoàn hảo lắm. Sản phẩm được nung ở nhiệt độ thấp để làm chín men nhưng không làm nóng chảy cốt kim loại. Người thợ dùng men màu kim loại vẽ lên đó những hoa văn trang trí rồi đem nung lần hai cũng ở nhiệt độ thấp. Sau lần nung này, trang trí bằng màu vàng kim hoặc màu đen có thể được vẽ thêm nhưng không nung lại nữa” (Philippe Trương 2017: 30).

Những quả bông này hẳn là được chế tác cùng thời với những chiếc đĩa trang trí trên bình phong lăng Kiên Thái Vương bởi cùng một nhóm thợ. Căn cứ vào chất lượng của sản phẩm, đặc biệt là của ba quả bông, chúng tôi cho rằng đây là sản phẩm Pháp lam Huế, nhưng là những sản phẩm lỗi, hoặc bị hư hỏng trong chiến tranh nên đã được cất giữ lại kho của Phủ Nội vụ như Gaide và Peyssoneaux ghi nhận vào năm 1925 trong tài liệu đã nói ở trên và sau này chuyển về Bảo tàng. Những chiếc đĩa còn tốt đã được vua Đồng Khánh lựa chọn để trang trí cho lăng

mộ của cha mình, trong số mà quan quân triều đình đã “*chi đồ vật ở kho*” vào năm 1888 (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007). Tập IX: 419).

So sánh với màu men và kiểu trang trí của chiếc đĩa trang trí “Ngũ phúc khánh Thọ” hiệu đề 明命 (Minh Mạng) nói trên (H.17), chúng tôi cho rằng sau khi chế tác chiếc đĩa này phỏng theo mẫu đĩa của pháp lam Quảng Đông, các thợ làm pháp lam thời Minh Mạng đã làm các sản phẩm khác (như nhóm quả bông nói trên) với cách bố cục hoa văn tương tự, nhưng thay vì vẽ chữ Thọ trong kiểu thức “Ngũ phúc khánh Thọ” trên mặt đĩa, họ đã vẽ một bông hoa ở giữa mặt khay của quả bông. Nhưng kỹ thuật chưa đạt tới trình độ cao, đặc biệt đối với loại hình quả bông đòi hỏi kỹ thuật phức tạp hơn nên không tránh khỏi những sản phẩm bị lỗi, lớp men không trơn láng, lại sớm bị bong tróc như chúng ta có thể thấy trên những hiện vật còn lưu giữ tại Bảo tàng. Vì thế, tuy những hiện vật này không mang hiệu đề Minh Mạng nhưng chúng tôi xin giới thiệu trong nhóm này để tiện việc tham khảo, đối chiếu.

Ở mặt trong của chân đế các quả bông đều có 2 chữ 南朝 (Nam triều) viết bằng sơn đỏ. Những chữ này không chỉ xuất hiện trên đồ pháp lam mà còn trên một số đồ sứ châu Âu hoặc trên các hiện vật mang hiệu đề Thiệu Trị, đều thuộc sưu tập của Bảo tàng. Chúng tôi cho rằng có thể hai chữ “Nam triều” được ghi lên đáy của hiện vật để đánh dấu trong một đợt kiểm kê đồ tự khí của triều đình sau biến cố Thất thủ Kinh đô Huế 1885. Cách gọi “Nam triều” là cách gọi triều đình Huế trong đối sánh với Chính phủ bảo hộ của Pháp, thường dùng phổ biến trong các văn bản trao đổi công việc giữa hai bên, và cũng được chính các sử gia triều Nguyễn sử dụng nhiều lần trong *Đại Nam thực lục chính biên* *Đệ Lục kỷ* biên soạn vào giai đoạn 1922-1942. Chữ 南 (Nam) có thể lấy trong 大南 (Đại Nam) - quốc hiệu dưới triều Nguyễn khi ấy. Tuy nhiên, lý do vì sao hai chữ “Nam triều” lại được viết trên các hiện vật, cho dù chỉ là một số, cũng cần có sự tìm hiểu chi tiết hơn để có cách giải thích hợp lý.

2.2. Nhóm hiện vật mang hiệu đề của Hoàng đế Thiệu Trị (1841-1847)

Trong số các hiện vật pháp lam có ghi hiệu đề ở Bảo tàng, những hiện vật mang hiệu đề Thiệu Trị không nhiều nên không đủ để có sự đánh giá toàn diện về kỹ thuật pháp lam thời kỳ này nhưng vẫn dễ nhận biết bởi những những đặc trưng nổi bật. Nếu phần lớn sản phẩm pháp lam thời Minh Mạng trong sưu tập của Bảo tàng có màu xanh cobalt là màu chủ đạo (ngoại trừ các tấm pháp lam trang trí trên kiến trúc có màu sắc phong phú hơn, có thể là để đáp ứng cách bố trí phù hợp với Ngũ hành, Ngũ phương trong nguyên tắc Dịch học), thì ở pháp lam từ thời Thiệu Trị trở đi bắt đầu có những màu men tươi sáng hơn như màu vàng cam, màu trắng, đặc biệt bắt đầu có men pháp lam màu đỏ thẫm trên vật dụng sinh hoạt hoặc tế tự của hoàng

gia, trang trí rồng mây, hoa văn dấu móc và hồi văn 3 lá dạng thùi tròn... Tương tự kiểu dáng đồ sứ thời Thiệu Trị, các quả bông pháp lam thời kỳ này có hình bát giác (H.22) với kỹ thuật tráng men cao hơn, nước men đều, ít bị gợn, đường nét tinh mỹ, cách hòa màu nhuần nhuyễn hơn và hiệu đề 紹治年 (Thiệu Trị niên tạo) được ghi ngay trên bề mặt của sản phẩm, sắp xếp bố cục dọc theo đường chéo.

2.3. Nhóm hiện vật có hiệu đề của Hoàng đế Tự Đức (1848-1883)

Riêng sản phẩm pháp lam thời Tự Đức trong sưu tập của Bảo tàng có nhiều kích cỡ khác nhau, từ chiếc ché cỡ lớn (H.28) đến chiếc bình nhỏ (H.26) với lớp men mỏng. Nhìn chung, sản phẩm của thời kỳ này thường có kiểu trang trí trong ô ở phần cong của vành miệng (H.24) hoặc ở quanh thân (H.25), và vẫn giữ đề tài trang trí rồng mây. Đặc biệt, một số sản phẩm pháp lam thời Tự Đức còn được kết hợp thêm kỹ thuật ghép chi tiết trang trí bằng đồng nổi lên bề mặt sản phẩm theo kiểu thức mặt nạ ngậm vòng tròn (H.26 và H.28), tương tự hình thức trang trí trên cặp ché sứ ký kiểu mà TS. Trần Đức Anh Sơn đã xếp vào thời Minh Mạng (Trần Đức Anh Sơn 2018: 128) nhưng phần mặt nạ ngậm vòng tròn trên ché được đúc nổi cùng chất liệu sứ (H.29) trong khi hình mặt nạ và vòng tròn trên chiếc bình pháp lam mang hiệu đề Tự Đức được làm bằng đồng, không tráng men.

Motif hồi văn mây Như ý hình dải yếm với một chấm nhỏ bên trong và đường diềm hình lá cũng khá phổ biến trên đồ pháp lam thời kỳ này.

Tiêu biểu trong số hiện vật pháp lam mang hiệu đề Tự Đức ở Bảo tàng là đĩa tròn men xanh tím, trang trí 4 hình rồng đuôi và mây ngũ sắc bao quanh một hình rồng ngậm chữ Thọ, mặt ngoài tráng men màu xanh lam nhạt (H.23). Phần đáy có gờ, viết 4 chữ Hán 嗣德年造 (Tự Đức niên tạo) bằng men màu nâu nhạt với nét chữ không sắc sảo, vài chỗ bị nhòe màu, chữ 德 bị mờ gần hết, và cũng bị các số kiểm kê viết đè lên. Tương tự như cách viết hiệu đề trên đồ pháp lam thời Thiệu Trị, hiệu đề trên pháp lam thời Tự Đức cũng được viết ở 4 góc và đọc theo đường chéo.

Một hiện vật pháp lam khác cũng khá đặc trưng của thời Tự Đức là đĩa hình bầu dục chia 4 thùi, men nền màu xanh cobalt đậm. Trong ô hình bầu dục chính giữa lòng đĩa trang trí đề tài “lưỡng long triều nhật” và các cụm mây Như ý trên nền men màu vàng. Ở 4 thùi có 4 ô trang trí rồng theo kiểu thức “long truy” (rồng đuôi) trên nền men màu vàng. Mặt ngoài của đĩa có màu men xanh lam nhạt tương tự như đĩa tròn vẽ 5 con rồng đã nói ở trên, đáy phẳng tráng men màu trắng, hiệu đề 嗣德年造 (Tự Đức niên tạo) được viết bằng men màu nâu nhạt, có dấu hiệu là men nhũ vàng, đọc theo đường chéo (H.24). Cũng có hai đĩa khác tương tự có hình bầu dục với hoa văn trang trí chia ô nhưng cả 2 đĩa này đều không ghi hiệu đề.

Trong nhóm hiện vật ghi hiệu đề Tự Đức còn có các hiện vật kích thước nhỏ, hình lục giác, bao gồm một đỉnh xông trầm (H.25), bình đựng rượu đặt trên chân đế (H.26) và coi nước (H.27). Cả hai đều có men nền màu xanh đậm. Đỉnh có tiết diện lục giác hơi dẹt, hai quai thẳng đứng được tạo hình theo dạng kỷ hà cao hơn thành miệng, trang trí đề tài chủ đạo là hoa mẫu đơn (?) màu hồng trên nền men xanh; trên các mặt của thân hình lục giác có 6 ô vẽ hoa lá cách điệu, phần cổ thắt eo nối với phần miệng đỉnh hơi loe, 4 chân cong kiểu giò nai đơn giản. Chân đỉnh được gắn liền với phần đế (cũng có hình lục giác) men màu nâu đỏ, trang trí dải hồi văn hình móc đơn giản (phần trên), hồi văn hình cánh sen (phần dưới) và những đường kỷ hà dạng “lôi văn” (đường xoắn ốc vuông) ở phần chân. Bốn chữ Hán 嗣德年造 (Tự Đức niên tạo) được viết tay bằng sơn màu đỏ ở mặt dưới của đế, dọc theo đường chéo.

Bình đựng rượu hình lục giác kích thước nhỏ (cao 25cm) nhưng có nhiều nét độc đáo. Bình có thân thẳng, thu hẹp ở phần đáy, mở rộng ở vai và thu hẹp lại ở miệng bình, ở phần vai có gờ phân biệt giữa hai phần thân bình và phần từ miệng bình đến vai. Thân bình trang trí 2 cặp “lưỡng long triều nhật” (rồng 5 móng) và mây Như ý trên nền men màu xanh đậm. Hai bên vai gắn mặt hồ phù bằng đồng ngậm vòng tròn. Các đường viền miệng, vai và đáy được mạ vàng. Mặt ngoài của đáy bình bị các ký hiệu đánh số kiểm kê của nhiều đợt kiểm kê trong lịch sử ghi chồng lên gần như phủ kín bề mặt đáy nên không xác định được dấu vết của ký hiệu niên đại. Chiếc bình đặt vừa khớp lên một chân đế bằng pháp lam mang ký hiệu kiểm kê riêng. Chân đế tạo dáng hai tầng, cũng có hình lục giác, phủ men nâu đỏ, tầng trên có 6 chân cao gắn với tầng dưới thấp hơn dạng chân quỳ, giống phong cách đồ gỗ thời Nguyễn. Hai tầng đế đều được trang trí các đường hoa văn nhũ vàng, đáy còn dấu vết các chữ Hán viết tay bằng nhũ màu vàng 嗣德年造 (Tự Đức niên tạo) đã bị mờ nhiều. Chúng tôi cho rằng chiếc bình và chân đế này vốn được chế tác để đặt cùng nhau, có thể sau nhiều biến động, hai hiện vật này được hội đồng kiểm kê đặt cho hai số khác nhau và lưu giữ độc lập chứ không để theo bộ. Nếu giả thuyết này đúng, chiếc bình nói trên cũng là sản phẩm pháp lam thời Tự Đức. Kiểu chân đế này tương tự kiểu chân đế của một coi nước hình lục giác được trang trí với thủ pháp giống với chiếc đỉnh xông trầm hình lục giác nêu trên, và cả hai đều đã bị bong tróc lớp men ngoài ở một vài nơi, để lộ cốt đồng bên trong.

Coi cũng có hình lục giác, loe ở miệng, thân xuôi hẹp dần ở phần đáy, trang trí hình lá chuối vẽ ngược màu xanh nhạt trên nền men xanh đậm. Coi được gắn chặt vào đế hai tầng, đáy có dấu vết chữ Hán viết bằng nhũ màu vàng đã bị mờ nhiều nét, có thể là hiệu đề 嗣德年造 (Tự Đức niên tạo). Viền vành nắp hồi văn mây Như ý hình dải yếm có chấm tròn bên trong (H.27). Cả bình rượu và coi nước đều cùng chung phong cách tạo hình và chi tiết trang trí đường viền hình lá chuối.

Hình thức rồng 5 móng thể hiện chiếc bình rượu là hiện vật dành cho vua, bên cạnh đó hình thức sử dụng nhũ vàng trong trang trí trên các hiện vật này cũng là một biểu hiện tầm quan trọng của chúng. Màu men trên những hiện vật này đã đạt kỹ thuật khá hoàn hảo, trơn láng, màu sắc tươi sáng, nét vẽ khá tinh xảo. Tuy nhiên, cách ghi hiệu đề bằng cách viết tay trên men với nét chữ kém phân sắc sảo thể hiện việc người thợ chế tác không phải là người hay chữ.

Sản phẩm pháp lam có kích thước lớn nhất trong bộ sưu tập của Bảo tàng là chiếc ché có nắp cỡ lớn trang trí “lưỡng long triều nhật” với rồng 5 móng và mây Như ý trên nền men màu vàng. Ché cao 55 cm, vai phình, thuôn dần xuống đáy, nắp đã bị mất phần núm, đáy viết hiệu đề 嗣德年造 (Tự Đức niên tạo) bằng men đỏ. Vai ché gắn 2 đầu hồ phù bằng đồng ngậm vòng tròn giống với hình thức trang trí đầu hồ phù ngậm vòng tròn trên bình đựng rượu hình bát giác (H.28). Viên vành cổ và chân hồi văn hình lá, diềm vai trang trí hồi văn mây Như ý hình dải yếm, giống thủ pháp vẽ hoa văn hình lá và hồi văn mây Như ý trên coi đựng nước cùng hình lục giác nêu trên, cũng như kiểu thức hồi văn mây Như ý trên lư xông trầm cỡ nhỏ thời Minh Mạng (H.8). Hình thức hoa lá cúc và diềm hồi văn chữ T trên nắp giống hình thức hoa lá cúc và hồi văn chữ T trên chân đế của quả bông hình bát giác thời vua Thiệu Trị. Những chi tiết này cho thấy có sự kế thừa, tiếp nối trong kỹ thuật chế tác và hình thức trang trí trên pháp lam từ thời vua Minh Mạng đến thời vua Tự Đức. Hình thức trang trí mặt hồ phù ngậm vòng tròn cũng có thể thấy trên hai ché sứ trong sưu tập của Bảo tàng (H.29) nhưng hình thức trang trí trên hai ché này đều cùng chất liệu sứ. Ché không có hiệu đề nhưng được xếp vào nhóm đồ sứ thời Minh Mạng (Trần Đức Anh Sơn 2018: 128).

Cùng kỹ thuật, hoa văn trang trí và màu men với chiếc ché cỡ lớn hiệu đề 嗣德年造 (Tự Đức niên tạo) trên đây còn có chậu pháp lam (chậu quán tẩy?) trang trí “lưỡng long triều nhật” với rồng 5 móng và mây Như ý trên nền men màu vàng, hồi văn chữ T ở viên đáy, vành miệng bọc đồng mạ vàng, hiện lớp vàng mạ còn để lại dấu vết ở một vài nơi (H.30). Tuy nhiên chậu này cũng không ghi hiệu đề.

Kết luận

Đầu thế kỷ XIX, kỹ thuật sản xuất pháp lam được chính hoàng đế triều Nguyễn cho du nhập vào Việt Nam trong điều kiện hết sức thuận lợi, nhưng không phổ biến trong dân gian mà chỉ giới hạn trong phạm vi các Tượng cục của triều đình với số lượng thợ rất hạn chế. Căn cứ vào số lượng thợ làm pháp lam thời Nguyễn được sử sách ghi lại (15 người vào buổi đầu dưới thời Minh Mạng; 8 người dưới triều Tự Đức và còn lại 6 người vào thời điểm 1887, trước khi Tượng cục Pháp lam chính thức tan rã), cũng như căn cứ vào địa điểm đặt các món đồ pháp lam trong di tích Huế mà chủ yếu là nơi thờ tự, có thể thấy dưới thời Nguyễn số lượng pháp lam

được chế tác tại Huế là không nhiều, kỹ thuật lại khó, nên vật dụng bằng pháp lam không phải là phổ biến trong dân gian, mà chủ yếu chỉ được dùng trong cung hoặc trang trí trên các kiến trúc cung đình.

Trong các món đồ của sưu tập pháp lam Bảo tàng hiện vẫn còn những món từng được đặt ở những nơi cúng tế của triều đình, trên đó ghi những chữ: 節禮 (Tiết lễ), hoặc 禮 (Lễ), hoặc 內香 (Nội hương). Thời Nguyễn, việc tế tự của triều đình là rất quan trọng, nhất là các lễ đại tự⁽²¹⁾, nên việc lựa chọn chất liệu, màu sắc, hình dáng được tính toán sao cho đúng với đẳng cấp, vị trí nơi thờ tự, lựa chọn vị trí đặt đồ tự khí cũng phải phù hợp với phương hướng trong *Dịch học*. Chỉ hai năm sau khi Tượng cục Pháp lam được thành lập, các vật dụng làm bằng pháp lam đã được chọn để bài trí trong lễ tế Giao, chứng tỏ pháp lam là một trong những loại sản phẩm quý giá, xứng đáng được lựa chọn cho nghi lễ quan trọng của triều đình. Vì thế, các món đồ pháp lam còn mang mang dấu hiệu của chức năng tế tự chính là những bằng chứng cho tầm quan trọng của chúng dưới thời Nguyễn.

Những hiện vật được lựa chọn giới thiệu trong bài viết đều là những món có ghi hiệu đề của các vua triều Nguyễn, bao gồm hiệu đề của các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Trong đó, hiệu đề của vua Minh Mạng phong phú nhất với 6 kiểu thể hiện, viết trong khung hoặc không có khung, chia làm 3 nhóm: “Minh Mạng niên chế”, “Minh Mạng niên tạo” và “Minh Mạng”, hầu hết đều được viết bằng men màu đỏ hoặc màu đen; các chữ được viết theo hai hàng dọc, mỗi hàng hai chữ, hoặc viết thành một hàng ngang. Hiệu đề của vua Thiệu Trị và Tự Đức lại cùng kiểu viết 4 chữ ở 4 góc dọc theo đường chéo, hiệu đề trên pháp lam niên hiệu Thiệu Trị thường có màu nâu, ghi trên bề mặt, còn hiệu đề trên pháp lam thời Tự Đức thường có màu vàng hoặc nâu vàng, được ghi ở mặt đáy hiện vật. Ngoài ra, trong sưu tập pháp lam của Bảo tàng còn có một số hiện vật dù không ghi hiệu đề nhưng có sự tương đồng về kiểu dáng, kỹ thuật chế tác hoặc phong cách trang trí, cần được tiếp tục nghiên cứu, giải mã những vấn đề còn bỏ ngỏ.

Các hiệu đề trên những hiện vật pháp lam này đều được viết trên men, có lẽ được viết sau khi nung lần thứ nhất ở nhiệt độ thấp, nét chữ viết tay không sắc sảo cho thấy người viết có thể cũng là người thợ chế tác, quan trọng hơn, chúng chính là những bằng chứng của sản phẩm pháp lam được làm tại Huế và do người Việt chế tác - những người chỉ mới tiếp thu và thực hành kỹ thuật chế tác pháp lam trong vòng mấy chục năm của nửa đầu thế kỷ XIX. Trong khi đó, hiệu đề trên pháp lam Trung Quốc có nét chữ sắc sảo hơn, cân đối hơn. Một số kiểu dáng đồ pháp lam có sự tương đồng với kiểu dáng của đồ sứ cùng thời, như nhóm quả bông hình bát giác

⁽²¹⁾ Lễ đại tự (lễ lớn của quốc gia) triều Nguyễn bao gồm các lễ tế Giao, tế Miếu và tế Xã Tắc.

thời Thiệu Trị; hoặc tương đồng với kiểu thức đồ gỗ trong cung đình Nguyễn, như loại chân đế của coi nước pháp lam thời Tự Đức, v.v... Những hiện vật này đều có xuất xứ từ các cung điện triều Nguyễn với các chức năng nghi lễ như: lư xông trầm, chậu quán tẩy, quả bông đựng bánh trái hoặc coi nước, bình rượu...

Các hiện vật có ghi hiệu đề trong sưu tập pháp lam của Bảo tàng đều mang những nét đặc trưng của văn hóa Việt Nam thể hiện qua lối vẽ phong cảnh hoặc hội văn cánh sen, hình thức rồng, cùng những hình thức màu sắc của mỹ thuật Huế như màu xanh cobalt đậm, màu đỏ thẫm hoặc màu vàng đậm, v.v... với những đường nét đơn giản, tuy không sắc sảo bằng sản phẩm pháp lam Trung Quốc nhưng vẫn khá tinh mỹ, thường chú trọng nét cân đối, hoa văn nhỏ kết hợp với hội văn, rồng mây hoặc chữ Thọ. Thông qua lăng kính của người nghệ nhân Việt, dĩ nhiên là dưới sự chỉ đạo của nhà vua, các sản phẩm pháp lam sản xuất ở Huế đã được các nghệ nhân thể hiện hình thức trang trí cho phù hợp với thẩm mỹ truyền thống của người Việt và trở thành một kiểu thức đặc trưng cho Pháp lam Huế.⁽²²⁾

H.T.A.V.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Sallet (1929). "Viện Bảo tàng Khải Định, ngôi điện: nguồn gốc và lịch sử". *Những người bạn Cổ đô Huế*. Tập XVI. Nxb Thuận Hóa. Huế.
2. Phạm Hy Tùng Bách (2005). "Mấy ý kiến về tên gọi *Pháp lam Huế*". *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
3. Cadière, L (2001). "Những người Pháp phục vụ vua Gia Long". *Những người bạn Cổ đô Huế*. Tập IX. 1922. Nxb Thuận Hóa. Huế.
4. Nguyễn Đình Đầu (2005). "Đồ cổ pháp lam của Kinh thành Huế". *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
5. Trần Lệ Hoa (2005). "Đồ pháp lam cốt kim loại ở Cổ cung Bắc Kinh". *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
6. Trần Đình Hiệp (2005). "Phục chế pháp lam, một di sản đã thất truyền". *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
7. Hoàng Thị Hương (2005a). *Pháp lam thời Nguyễn ở Quần thể Di tích Cổ đô Huế*. Luận văn Thạc sĩ Khoa Lịch sử Huế.
8. Hoàng Thị Hương (2005b). "Khái quát về pháp lam". *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
9. Hoàng Thị Hương (2005c). "Pháp lam trang trí ở Đại Nội, Huế". *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.

⁽²²⁾ Tác giả xin chân thành cảm ơn Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế đã tạo điều kiện để tôi thực hiện nghiên cứu này. Xin cảm ơn TS. Võ Vinh Quang, NNC Trần Đại Vinh (Huế), ThS. Trần Văn Quyển (Hà Nội) và PGS. TS. Meggie Chui Ki Wan, Đại học Trung Văn Hồng Kông đã hỗ trợ phiên dịch Hán văn, cảm ơn ông Philippe Trương, ông Trần Duy đã chia sẻ những thông tin và hình ảnh một số hiện vật pháp lam Quảng Đông để so sánh, và ông Hoàng Sơn đã hỗ trợ việc chụp ảnh.

10. J.H.Peyssonnaud (1935). *Báo cáo hoạt động của bảo tàng năm 1935*. Lê Nguyễn Như Quỳnh dịch từ nguyên bản tiếng Pháp. Tài liệu của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.
11. L. Gaide và Henry Peyssonnaud (1925). “Les tombeaux de Huế: Prince Kiên Thái Vương”. *B.A.V.H.* No. 1.
12. Ngô Văn Minh, Trần Nam Anh (2005). “Đồ pháp lam tế tự tại Bảo tàng MTCĐ Huế”. *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
13. Musée des Arts Décoratifs (2005). “Nguồn gốc và kỹ thuật của pháp lam Trung Quốc”. *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
14. Nội Các triều Nguyễn (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập IV, VII. Nxb Thuận Hóa. Huế.
15. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục*. Tập II, III, V. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
16. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*. Tập IX. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
17. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2010). *Đồng Khánh-Khải Định chính yếu*. Nxb Thời đại-Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây. Hà Nội.
18. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2011). *Đại Nam thực lục Chính biên Đế Lục kỷ Phụ biên*. Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu. Nxb Văn hóa-Văn nghệ. TP. Hồ Chí Minh.
19. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*. Tập IX. Nxb Thuận Hóa. Huế.
20. Rowson, Jessica (2005). “Cloisonné và Painted enamels”. *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
21. Trần Đức Anh Sơn (2005). “*Pháp lam Huế*: những nhận thức mới”. *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
22. Trần Đức Anh Sơn (2015). “Những nhận thức mới về pháp lam Huế thời Nguyễn - New perceptions on Hue painted enamels of the Nguyen time” (trang blog cá nhân, truy cập ngày 10/11/2015).
23. Trần Đức Anh Sơn (2016). “Pháp lam, Pháp lam và Shipouyaki”. *Kiểu Huế*. Nxb Văn hóa-Văn nghệ. TP. Hồ Chí Minh.
24. Trần Đức Anh Sơn (2018). *Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn - Commissioned Patterned Porcelains in the Nguyen era*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. TP. Hồ Chí Minh.
25. Trần Đình Sơn (2005). “Ngắm Pháp lam Bắc Kinh nhớ về Pháp lam Huế”. *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
26. Lý Tân Thới (2005). “Nói thêm về đồ *Cảnh Thái lam, Pháp lam, Pháp lang*”. *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV. Huế.
27. Phạm Đăng Trí (2016). “Quanh các pháp lam Huế suy nghĩ về màu sắc”. *Tạp chí Sông Hương* (Nguồn: <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c362/n24771/Quanh-cac-phap-lam-Hue-suy-nghi-ve-mau-sac.html>, truy cập ngày 3/5/2020).
28. Philippe Trương (2017). “Đồ gốm sứ châu Âu tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế” trong: *Đồ gốm sứ châu Âu tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế*. Huế.
29. Ủy ban hành chính Bảo tàng Khải Định (1930). *Báo cáo hoạt động và quản trị của Bảo tàng năm 1929*. Nguyên bản tiếng Pháp (bản dịch sang tiếng Việt của Lê Nguyễn Như Quỳnh), tài liệu tham khảo nội bộ.

TÓM TẮT

Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế là bảo tàng lâu đời nhất ở Việt Nam, chính thức thành lập năm 1923 dưới triều vua Khải Định (1916-1925). Trong nhiều sưu tập của bảo tàng, sưu tập pháp lam là sưu tập có nhiều giá trị độc đáo về vẻ đẹp và sự phong phú về loại hình, phong cách trang trí và chức năng.

Kỹ thuật chế tác đồ pháp lam được du nhập từ Trung Quốc vào Việt Nam ở đầu thế kỷ XIX dưới triều Nguyễn (1802-1945). Tùy theo thị hiếu thẩm mỹ khác nhau của mỗi vị hoàng đế, các sản phẩm pháp lam chế tác dưới các triều vua khác nhau thể hiện những đặc điểm khác nhau, không chỉ về kỹ thuật chế tác của những người thợ mà còn mang những đặc điểm văn hóa và thị hiếu thẩm mỹ đã được bản địa hóa, phản ánh bối cảnh chính trị-xã hội đương thời cũng như cách mà các vua triều Nguyễn thể hiện bản sắc của riêng mình.

Những vấn đề này được thảo luận trong bài viết thông qua việc giới thiệu các hiện vật pháp lam có hiệu đề vua Nguyễn trong sưu tập của Bảo tàng Cổ vật Cung đình nhằm đóng góp vào việc nghiên cứu về Pháp lam Huế dưới thời Nguyễn.

ABSTRACT

COLLECTION OF ENAMELLED WARES SHOWING IN THE HUẾ IMPERIAL ANTIQUITIES MUSEUM: ARTIFACTS DATING THE TITLE OF KINGS NGUYỄN DYNASTY

Huế Imperial Antiquities Museum is the oldest museum in Vietnam, officially established in 1923 under the reign of King Khải Định (1916-1925). Among many collections, the collection of enamelled wares is the ones with lots of unique values in beauty and variety in type, decoration style and function.

Enamelled wares crafting techniques were introduced from China to Vietnam in the early 19th century under the Nguyễn Dynasty (1802-1945). Depending on the different aesthetic feel of each emperor, the enamelled wares products crafted under different kings' dynasties showed different characteristics, not only in terms of the craftsmen's crafting techniques but also the cultural characteristics and aesthetic feel have been localized, reflecting the contemporary socio-political context as well as the style the Nguyễn Dynasty kings expressed their own identities.

These issues are discussed in the article through the introduction of enamelled wares artifacts dating the title of the King Nguyễn in the collection of the Imperial Museum of Antiquities to contribute for the study of Huế Enamelled wares under the Nguyễn Dynasty.